

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hòa

2. Bà Trương Thị Hồng Xuân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa. .

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Vĩnh T; Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn Á, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Phạm Thị B, Sinh năm: 1972

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Á, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt ông T1, vắng mặt bà B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Lưu Vĩnh T2 trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/12/1994 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng vẫn hoà thuận, thỉnh thoảng có chút phát sinh mâu thuẫn nhỏ. Nhưng không hiểu vì nguyên nhân gì đến năm 2002 bà B đã tự ý bỏ nhà đi đến nay không có tin tức gì, khi đi bà B cũng không nói với bất kỳ ai. Ông và gia đình nội, ngoại đã tìm kiếm mọi nơi nhưng vẫn không có thông tin gì. Ông đã làm

đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành làm thủ tục Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà B nhưng không có kết quả nên ông đã làm đơn Yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với bà Phạm Thị B và đã được Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành chấp nhận. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà B.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lưu Vĩnh D, sinh năm 1996 và Lưu Thị P, sinh năm 1998, đến nay các con của ông đều đã đủ 18 tuổi nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Ông T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà B nhưng bà B đã rời khỏi địa phương từ năm 2002 không rõ địa chỉ nên không thể tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bà B nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng bà B không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho bà B theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[2]. Bà B đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS. Toà án cũng đã triệu tập họp lệ bà B lần thứ hai đến để tham gia phiên toà nhưng bà B vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt bà B.

[3]. Về hôn nhân: Ông Lưu Vĩnh T2 và bà Phạm Thị B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/12/1994 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2002 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên đôi lúc xảy ra cãi cọ. Bà B đã bỏ nhà đi từ năm 2002 đến nay không về nhà, gia đình và chính quyền địa phương cũng không biết chị bà B đã đi đâu. Ông T2 đã làm đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà B, Tòa án đã chấp nhận đơn yêu cầu của ông T2 và thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam và B1 nhưng

cũng không có tin tức của bà B. Ông T2 cũng đã yêu cầu Tòa án tuyên bố bà B mất tích và Tòa án cũng đã chấp nhận đơn yêu cầu của ông T2 theo Quyết định số: 04/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành. Nay ông T2 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà B. Do đó, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự để xử cho ông T2 được ly hôn với bà B.

[4]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lưu Vĩnh D và cháu Lưu Thị P. Đến nay các con đều đã đủ 18 tuổi ông T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về tài sản: Ông T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Lưu Vĩnh T2 được ly hôn bà Phạm Thị B.

2. Về án phí: Ông Lưu Vĩnh T2 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền ông T2 đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2021/0007906 ngày 21/12/2022. Ông T2 đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt ông Lưu Vĩnh T2, vắng mặt bà Phạm Thị B. Ông T2 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Văn Thanh Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Thị Cúc

